

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 11/2006/TT-BNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ di dân, ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung theo Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Qui hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung đến năm 2010;

Sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ di dân, ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung như sau:

I. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng.

Thông tư này áp dụng để hỗ trợ hộ di dân, ổn định dân cư thực hiện Qui hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung theo Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ tại các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh.

2. Đối tượng được hỗ trợ.

a) Hộ di dân theo kế hoạch Nhà nước chuyển đến sinh sống ổn định lâu dài (định cư) tại các thôn, bản sát biên giới Việt - Trung (là thôn, bản có địa giới hành chính tiếp giáp với đường biên giới), bao gồm:

- Hộ di dân từ các địa bàn trong và ngoài tỉnh (bao gồm cả các thôn, bản trong xã biên giới Việt - Trung nhưng không thuộc các thôn, bản sát biên giới) chuyển đến

theo hình thức xen ghép vào các thôn, bản còn ít dân hoặc vào các điểm dân cư tập trung mới thành lập.

- Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, tri thức trẻ tình nguyện, thanh niên xung phong, công nhân, viên chức quốc phòng, bản thân lập gia đình hoặc đưa gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) chuyển đến và tự nguyện cùng định cư ở các thôn, bản sát biên giới Việt - Trung.

b) Hộ di dân theo kế hoạch nhà nước chuyển đến sinh sống ổn định lâu dài tại các thôn, bản không sát biên giới nhưng thuộc các xã biên giới Việt - Trung, bao gồm:

- Hộ di dân từ các địa bàn trong và ngoài tỉnh;
- Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, tri thức trẻ tình nguyện, thanh niên xung phong, công nhân, viên chức quốc phòng, bản thân lập gia đình hoặc đưa gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) chuyển đến và tự nguyện cùng định cư ở các xã biên giới Việt - Trung.

c) Hộ gia đình đang sinh sống tại các xã biên giới Việt - Trung có điều kiện sản xuất và đời sống quá khó khăn cần được bố trí ổn định sản xuất và đời sống tại chỗ theo qui hoạch, kế hoạch bao gồm:

- Hộ bị mất đất ở, đất sản xuất do thiên tai;
- Hộ sống ở nơi đặc biệt khó khăn thiếu đất sản xuất, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt không khắc phục được;
- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện vận động thực hiện định canh định cư;
- Hộ sống ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

d) Cộng đồng vùng dự án qui hoạch, ổn định dân cư của các xã biên giới Việt - Trung.

3. Nguyên tắc áp dụng mức hỗ trợ:

Hộ gia đình thuộc đối tượng qui định tại Thông tư này được hưởng hỗ trợ một lần theo mức cao nhất đối với từng nội dung hỗ trợ qui định tại một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg ngày 7/12/2001, Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003, Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày

16/9/2003, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004, Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005.

II. NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ hộ gia đình:

1.1. Hỗ trợ khai hoang:

Hộ di dân là đối tượng qui định tại điểm a, điểm b, điểm c, mục 2, phần I của Thông tư này áp dụng chính sách hỗ trợ qui định tại điểm a, mục 1, phần II của Thông tư số 57/2004/TT- BNN ngày 1/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ di dân, ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung theo Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 57/2004/TT-BNN) theo mức hỗ trợ:

- Khai hoang tạo nương cổ định: 3 triệu đồng/ha;
- Khai hoang xây dựng đồng ruộng: 7 triệu đồng/ha.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào diện tích đất khai hoang giao cho các hộ gia đình để qui định cụ thể mức hỗ trợ. Những hộ di dân khi đã hưởng chính sách hỗ trợ khai hoang theo các mức qui định tại Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ thì không được hưởng chính sách hỗ trợ khai hoang tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 186/2001/QĐ-TTg, số 190/2003/QĐ-TTg, số 134/2004/QĐ-TTg.

1.2. Hỗ trợ ổn định đời sống:

a) Hộ di dân là đối tượng qui định tại điểm a, mục 2, phần I của Thông tư này áp dụng chính sách hỗ trợ qui định tại điểm b, mục 1, phần II của Thông tư số 57/2004/TT-BNN: mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ.

b) Hộ di dân là đối tượng qui định tại điểm b, mục 2, phần I của Thông tư này áp dụng chính sách hỗ trợ qui định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 của Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách di dân thực hiện qui hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003-2010 và điểm a, khoản 2, mục I, Phần B của Thông tư liên tịch số 09/2004/TTLT-BNN-BTC, ngày 31/3/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện

chế độ hỗ trợ di dân theo Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách di dân thực hiện qui hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003-2010 (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 09/2004/TTLT-BNN-BTC): mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ.

1.3. Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở:

Hộ di dân là đối tượng qui định tại điểm c, mục 2, phần I của Thông tư này được hưởng một số chính sách hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn: áp dụng chính sách về đất ở, đất sản xuất, nhà ở theo qui định tại các khoản 1, 2, 3, Điều 2 của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và qui định tại các mục 1, 3, phần II của Thông tư liên tịch số 819/2004/TTLT/UBDT-KHĐT-BTC-XD-NNPTNT ngày 10/11/2004.

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn khi đã hưởng chính sách về đất ở, đất sản xuất, nhà ở theo qui định tại các khoản 1, 2, 3, Điều 2 của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ thì không hưởng chính sách đất ở, đất sản xuất, nhà ở qui định tại các quyết định 120/2003/QĐ-TTg, 190/2003/QĐ-TTg.

b) Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình chính sách thực sự khó khăn (không phải là đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số), đang sinh sống hợp pháp, ổn định tại các xã biên giới, hiện nay không có nhà ở hoặc đã có nhà ở làm bằng tranh, tre, nứa, lá bị dột nát, mất an toàn khi mưa, lũ, bão, nhưng không có khả năng tự xây dựng, nâng cấp, tu sửa nhà ở với mức hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ để xây dựng, nâng cấp, tu sửa nhà ở theo qui định tại điểm b, khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Danh sách các hộ này do nhân dân ở thôn, bản nơi cư trú bình xét, được Ủy ban nhân dân xã đề nghị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

1.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt:

Hộ gia đình là đối tượng qui định tại các điểm a, điểm b, điểm c, mục 2, phần I của Thông tư này được ngân sách Trung ương hỗ trợ như sau: Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng theo dự toán thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ở những nơi không xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thì hộ gia đình được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/hộ để tự xây dựng bể chứa nước mưa hoặc đào giếng, khoan giếng. Những hộ khi đã hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt tại Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 thì không được hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt tại các Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg, Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg .

1.5. Hỗ trợ sản xuất:

Hộ gia đình là đối tượng qui định tại các điểm a, điểm b, điểm c, mục 2, phần I của Thông tư này được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất như sau:

a) Chính sách hỗ trợ giống cây trồng: những hộ nghèo (theo tiêu chí hộ nghèo qui định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 -2010) và vùng qui hoạch được hỗ trợ:

UBND tỉnh căn cứ vào diện tích đất sản xuất giao cho hộ gia đình để quyết định mức hưởng hỗ trợ

- Hỗ trợ 30 % nhu cầu trong 3 năm đầu đối với giống cây ngắn ngày và cây hàng năm;
- Hỗ trợ 1 triệu đồng/ha đối với giống cây lâu năm và cây ăn quả.

b) Chính sách hỗ trợ phát triển vốn rừng:

- Trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng: mức hỗ trợ 4 triệu đồng/ha theo qui định tại Quyết định số 5246/QĐ-BNN-LN ngày 26/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Khoán quản lý, bảo vệ rừng: mức hỗ trợ 50.000đồng/ha/năm áp dụng theo qui định tại Thông tư liên tịch số 28/1999/TT- LT ngày 03/2/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát